

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 01 – 2024

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Quốc Trung

Ông Cao Văn Viết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLST–HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4535/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Á, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số D, ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc A, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số A P, M, CA I, Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2023; bản tự khai và văn bản xin vắng mặt cùng ngày 28/3/2023, nguyên đơn bà Dương Thị Á trình bày như sau:

Bà và ông Phạm Ngọc A sau thời gian tự nguyện quen biết và tìm hiểu nhau thì tiến đến hôn nhân, ông bà có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND huyện T, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/01/2019 số 02/2019. Sau khi kết hôn khoảng 01 tháng thì ông A về lại Hoa Kỳ. Sáu tháng sau ông A có về nước thăm bà, kể từ lần đó đến nay không có về lần nào nữa. Ông bà sau đó có liên lạc với nhau thêm khoảng 01 năm, trong khoảng thời gian này thì hai bên nhận ra là không hợp nhau. Cho đến nay thì không còn liên lạc nữa. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Phạm Ngọc A không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, bà làm đơn này đề nghị Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn của bà, cụ thể:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Ngọc A, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại bà bận công việc nên không thể tham gia vụ kiện, bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án bao gồm tất cả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên xét xử của Tòa án.

Về phía bị đơn ông Phạm Ngọc A đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Phạm Ngọc A đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng ông Phạm Ngọc A vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Ngọc A theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn bà Dương Thị Á và bị đơn ông Phạm Ngọc A là ly hôn, nguyên đơn bà Dương Thị Á hiện ở Việt Nam; bị đơn ông Phạm Ngọc A có địa chỉ ở nước ngoài (Hoa Kỳ) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Á và ông Phạm Ngọc A xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND huyện T, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/01/2019 số 02/2019. Sau khi kết hôn ông A và bà Á có thời gian ngắn chung sống tại Việt Nam; sau đó ông A trở về Mỹ và cho đến nay không có về Việt Nam lần nào nữa. Ông bà tiếp tục liên lạc với nhau được một thời gian thì không còn liên lạc. Nay bà Á nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Phạm Ngọc A không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, bà làm đơn này đề nghị Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn của bà.

Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thụ lý vụ án cho ông Phạm Ngọc A; kết quả ủy thác đã tổng đạt được cho ông A, nhưng Tòa án không nhận được văn bản nêu ý kiến của bà về những vấn đề ông A yêu cầu Tòa án giải quyết, từ đó cho thấy ông A cũng không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà Á. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của bà Á và ông A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Á yêu cầu ly hôn với ông A là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2] Về con chung, tài sản chung: Bà Á trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Phạm Ngọc A nên không có cơ sở xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về nợ chung: Bà Á trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Phạm Ngọc A và cũng không nhận được yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì các bên liên quan có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị Á phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Dương Thị Á đối với ông Phạm Ngọc A.

1.1. Về hôn nhân: Bà Dương Thị Á được ly hôn với bà Phạm Ngọc A.

1.2. Về con chung, về tài sản chung: Bà Dương Thị Á trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng Tòa án không ghi nhận được lời trình bày của ông Phạm Ngọc A nên không có cơ sở xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

1.3. Về nợ chung: Bà Dương Thị Á trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Phạm Ngọc A và cũng không nhận được yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì các bên liên quan có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị Á phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001794 ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Bà Á đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng là chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự của Việt Nam ra nước ngoài theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0004555 ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

4. Bà Dương Thị Á được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Phạm Ngọc A được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- UBND huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Lương